

Bản án số: 11/2022/HS-ST

Ngày 13-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Phạm Thị Thà

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/HSST-QĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/HSST-QĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 25 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

- Trần Tuấn D, sinh năm 1998 tại Hải Dương; nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Trần D1, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971; vợ là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/9/1991 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải D. Có mặt.

Người bào chữa: Ông Trần Trung K – Luật sư, Văn phòng Luật sư Á Đông, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: số A H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Trần D1, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971 (là bố mẹ đẻ của bị cáo); địa chỉ: Khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Ông D1 có mặt; Bà S vắng mặt).

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Ông Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953 (là bố mẹ đẻ chị T); nơi cư trú: thôn 6, xã V, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch, bà B là: Ông Cao Bá Tr, sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn 6, xã V, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

- Cháu Nguyễn Quốc H, sinh năm 2017; (là con đẻ của chị T).

Nơi cư trú: thôn 6, xã V, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Người giám hộ của cháu H là ông Nguyễn Hữu Ch và bà Nguyễn Thị B (là ông bà ngoại của cháu H).

(Ông Ch, ông Tr, cháu H có mặt; bà B vắng mặt).

3. *Người làm chứng*:

- Ông Trần D1, sinh năm 1969 và cháu Trần Trung H2, sinh năm 2007; Người giám hộ của cháu H2 là ông Trần D1 (là bố đẻ cháu H2).

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966;

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991;

- Chị Trần Thị Th, sinh năm 1988;

- Bà Vũ Thị Ph, sinh năm 1958;

- Bà Hà Thị V, sinh năm 1947;

Đều cư trú tại: Khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Ông D1 có mặt; Cháu H2, bà V, chị L, chị Th, bà Ph, bà V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Tuấn D thông qua mạng xã hội Facebook quen biết chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, quê quán: huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (chị T đã có con riêng là cháu Nguyễn Quốc H, sinh năm 2017). Đến tháng 10/2020 thì D đăng ký kết hôn với chị T rồi đưa chị T và cháu Học về sinh sống cùng gia đình tại Khu dân cư G, phường T, TP C, tỉnh Hải Dương. Đầu tháng 8 năm 2021, D được biết vợ mình đã có thai.

Khoảng 23 giờ ngày 31/8/2021, D đi lên phòng ngủ của vợ chồng D trên tầng 2 thì thấy chị T và cháu H đang ngủ, chị T nằm ngửa giữa giường mặc áo liền váy màu đỏ, cháu H nằm bên trong giường, D lên giường nằm cạnh chị T phía ngoài. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 01/9/2021 D tỉnh dậy và nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với chị T, chị T đồng ý. D quan hệ tình dục với chị T khoảng 5 phút thì xuất tinh vào âm đạo của chị T. Khoảng 10 đến 15 phút sau, D tiếp tục muốn quan hệ tình dục lần thứ hai với chị T nhưng lần này chị T không đồng ý và dùng tay đẩy D ra. D dùng tay giữ 2 tay chị T thực hiện quan

hệ tình dục với chị T trong khoảng 05 phút thì xuất tinh vào trong âm đạo của chị T. Quá trình D quan hệ tình dục chị T có phản ứng giãn giữa, né tránh việc quan hệ tình dục vợ chồng nên D bực tức trèo lên người chị T và dùng hai đầu gối đè vào 2 bên vai của chị T tạo ra vết thương bầm tụ máu tại mặt trước vai trái từ xương đòn xuống đến xương sườn số 3 diện 10,5x8cm, mặt trước vai phải tương ứng vị trí xương đòn phải diện 6x4,5cm để chị T không giãn giữa được nữa, sau đó D cầm chiếc gối màu đỏ chị T đang gối dưới đầu, dùng 2 tay chồm gối vào mặt, mũi, miệng của chị T giữ, tạo vết thương bầm tụ máu nông ở góc hàm trái lên đến sau tai trái kích thước 4,5x3cm, da vùng sau gáy trái cách chân tóc gáy 2cm, cách dái tai trái 9,5cm có vết sây sát da kích thước 1,5x0,3cm. Chị T giãn giữa và dùng tay cào xước da vùng vai phải của D tạo vết bầm tím và vết trầy xước da trên ngực phải và bờ vai phải của D. D giữ gối trong khoảng 05 phút sau đó chị T tiểu tiện (đái) ra giường, làm ướt áo của D đang mặc và chần, đệm trên giường. Khi thấy chị T không giãn giữa, cử động được nữa, biết chị T đã chết thì D bỏ gối ra. D mặc quần và kéo quần chị T lên như lúc ban đầu, để thi thể chị T nằm ngửa trên giường rồi chờ trời sáng. Đến khoảng 06 giờ sáng thì D đi xuống tầng 1, nói dối với ông Trần D1 là bố đẻ của D lên xem T bị làm sao, thấy người lạnh toát, mục đích để che giấu sự việc do mình gây ra. Hậu quả: chị T tử vong. Đến khoảng 11 giờ, ngày 02/9/2021, D đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình tại Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường là khu vực nhà ở của gia đình anh Trần Tuấn D. Nhà ở có KT4x22m thiết kế 2 tầng, trần bê tông, cửa ra vào quay hướng Nam. Phòng ngủ của vợ chồng D - T có KT 3,3x3m có 1 cửa ra vào phía Đông đi ra hàng lang chung có KT 0,8x2,05m, trong phòng ngủ thiết kế kê 01 giường ngủ ở góc Đông Bắc. Mặt trên giường có 01 ga giường màu đỏ KT 2,1x1,73m, xung quanh có viền bông 3 mặt màu trắng rộng 0,34m, mặt viền có T chữ “SAKURA”, bề mặt vải ga giường tại vị trí cách đầu giường 0,5m, cách mép ngoài giường 0,4m có đám ầm ướt diện 70x65cm, ga giường tại vị trí cách mép đầu giường 0,9m, cách mép sát tường phía Bắc 0.28m có vết rách vải KT 8x5cm bờ mép sần vải. Trên mặt ga giường phía trong màn sát đường phía bắc thấy có 01 gối ôm màu đỏ hình trục tròn đường kính 18cm, dài 95cm, trên mặt ga giường góc giường phía tây Nam, bên ngoài màn có 1 chăn trạng thái cuộn vo lại, chăn này KT 2,1x1,7m 1 mặt vải màu đỏ, mặt còn lại màu đỏ có 1 phần màu trắng tại vị trí cách mép ngoài phần màu trắng 1,02m, cách mép cạnh dài chăn liền kề 0,05m có vết rách vải không liên tục trên diện 8x0,5cm bờ mép nhẵn sần vải. Mặt trên và mặt dưới nệm tương ứng vị trí ầm ướt của ga giường phía trên có đám ầm ướt trên diện 60x50cm, phía dưới nệm là 01 chiếu cói màu vàng đỏ, bề mặt chiếu tương ứng vị trí ầm ướt của nệm có đám ầm ướt có hình dạng và KT tương tự, phía dưới chiếu là đất giường bằng gỗ, bề

mặt tương ứng vị trí ẩm ướt của chiếu phía trên có đám ẩm ướt có hình dạng tương tự. Nền nhà dưới gầm giường tại vị trí cách đầu giường 0,8m, cách tường phía bắc 0,9m có đám chất màu nâu vàng bám dính diện 1x0,15m có hướng từ trên xuống phía cuối giường, phần cuối đám này tụ lại thành vũng nhỏ.

Cơ quan điều tra tiến hành cho bị cáo Trần Tuấn D diễn lại hành vi của D thể hiện: Hành động 1 là vị trí D nằm ngủ vào đêm 31/8/2021; hành động 2 là tư thế động tác của D khi tỳ đầu gối của D lên vai của chị T; hành động 3 là D lấy chiếc gối của chị T đang gối đầu dùng 2 tay đè gối lên mặt chị T; hành động 4 là D chỉ vị trí bị chị T dùng tay cào lên người D.

Kết quả xem xét dấu vết trên cơ thể Trần Tuấn D thấy: Tại khu vực ngực bên phải phát hiện vết bầm tím KT 1,5x1,5cm, tại khu vực bả vai phải phát hiện hai vết trượt xước da. Vết trượt xước da thứ nhất dài 05cm rộng 01mm, Vết trượt xước da thứ 2 dài 2,5cm rộng 01mm.

Kết quả khám nghiệm tử thi xác định: Tử thi là Nguyễn Thị T có các dấu vết: Khu vực góc hàm trái lên đến sau tai trái rải rác bầm tụ máu nông KT 4,5x3cm; Mặt trước vai trái từ xương đòn xuống đến xương sườn số 3 có đám bầm tụ máu diện 10,5x8cm; Mặt trước vai phải tương ứng vị trí xương đòn phải có đám bầm tụ máu diện 6x4,5cm; Da vùng sau gáy trái cách chân tóc gáy 2cm, cách dái tai trái 9,5cm có vết sây sát da KT 1,5x0,3cm; Da 2 lòng bàn tay sạch, các đầu ngón tay màu tím sẫm; bộ phận sinh dục ngoài có tổn thương bầm tụ máu, xước niêm mạc ở vị trí 6h môi lớn KT 1,5x0,7cm. Mở tử thi: Mở da đầu theo đường liên đỉnh vành tai thấy: tổ chức dưới da và cơ không có dấu hiệu bầm tụ máu. Tại vị trí tương ứng vết bầm tụ máu phía ngoài vai trái tổ chức dưới da và cơ bầm tụ máu diện 9x6cm phía trong thành ngực tương ứng vị trí này có vết bầm tụ máu KT 1,5x1cm. Phổi 2 bên trạng thái xẹp. Màng phổi rải rác có các chấm xuất huyết tập trung nhiều ở khe liên thùy phổi phải cắt qua nhu mô phổi thấy có nhiều dịch bọt chảy ra; Tử cung KT to hơn bình thường cao 10cm, rộng 11cm, dày 7,5cm, cắt qua buồng tử cung phát hiện 01 túi ối bên trong có 01 bào thai chiều dài đầu mông khoảng 10cm.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 620/GDPY ngày 17/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: Kết mạc mắt xung huyết, niêm mạc môi tím tái, các đầu chi tím sẫm; Bầm tụ máu mặt trước vai trái, vai phải, khu vực góc hàm trái và sau tai trái; Bầm tụ máu mặt trong thành ngực tương ứng vết bầm tụ máu bên ngoài; Phổi 2 bên xẹp, màng phổi rải rác các chấm xuất huyết, cắt qua lòng khí phế quản và nhu mô phổi có nhiều dịch bọt; Tử cung có 01 bào thai; kết luận giám định mô bệnh học: Tim xung huyết, xuất huyết rải rác; phổi xung huyết, xuất huyết mạnh, phù phế nang, rách đứt vách phế nang, các tạng còn lại xung huyết; Kết

luận giám định độc chất: Trong mẫu phủ tạng ghi thu của tử thi Nguyễn Thị T gửi giám định không tìm thấy các chất độc thường gặp: Xyanua (CN⁻Cyanide), Hydrophosphid(H₃P), Methanol, thuốc an thần gây ngủ, thuốc diệt chuột, thuốc trừ sâu- diệt cỏ, alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, quinine, ô đầu- phụ tử. Nguyên nhân chết: Ngạt cơ học (nghẹt thở). Tổn thương bầm tụ máu mặt trước vai trái và vai phải có hướng từ trước ra sau, từ ngoài vào trong; Tổn thương bầm tụ máu nông rải rác khu vực góc hàm trái, sau tai trái, có hướng từ dưới lên trên, từ ngoài vào trong; 03 tổn thương bầm tụ máu trên do vật tày gây lên là phù hợp; Bộ phận sinh dục có bị tác động tại vị trí 6 giờ. Tại thời điểm giám định, thời gian tử vong của chị Nguyễn Thị T trên 6 giờ là phù hợp. Tại thời điểm giám định phát hiện trong buồng tử cung của chị Nguyễn Thị T có 01 thai nhi.

Tại Kết luận giám định số 6891 ngày 15/9/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Mô bệnh học: Tim xung huyết, xuất huyết rải rác; phổi xung huyết, xuất huyết mạnh, phù phế nang, rách đứt vách phế nang; các tạng còn lại xung huyết. Độc chất: Trong mẫu phủ tạng ghi thu của tử thi Nguyễn Thị T gửi đến giám định không tìm thấy các chất độc thường gặp: Xyanua (CN⁻Cyanide), Methanol, Hydrophosphid (H₃P), thuốc diệt chuột, thuốc trừ sâu - diệt cỏ, alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, quinine, ô đầu- phụ tử.

Tại Kết luận giám định số 6906 ngày 30/9/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Trên mẫu móng tay ghi thu của Nguyễn Thị T có tế bào của 1 người nữ giới, không phát hiện thấy tế bào của Trần Tuấn D. Trong dịch âm đạo ghi thu của Nguyễn Thị T có tinh trùng của Trần Tuấn D. Thai nhi có mẫu cuống rốn, nhau thai ghi thu giữ trong buồng tử cung của chị Nguyễn Thị T gửi đến giám định và Trần Tuấn D có quan hệ huyết thống con đẻ- cha đẻ.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 419 ngày 17/12/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Tại thời điểm phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Trần Tuấn D bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về vật chứng, tài liệu thu giữ: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương đã thu giữ, quản lý: 01 ga đệm màu đỏ, nền có màu sáng, tại 3 cạnh có dòng chữ SAKURA, kích thước 2,12 x 1,73m, viền rộng 0,34m; 01 chăn hè màu đỏ có kích thước 2,12 x 1,73m hình ô vuông; 01 gối dạng gối trẻ em hình chuột mickey màu xanh có kích thước 33x25cm; 01 gối ngủ một mặt vành đỏ hoa văn ở giữa màu vàng nhạt, mặt còn lại màu đỏ kích thước 70x50cm, ruột trong bông màu trắng; 01 vỏ chăn nhiều màu, sọc kẻ, carô, hoa văn hình bông hoa; 01 váy màu nâu kẻ carô màu vàng; 01 áo dạng áo váy cổ tròn ngắn tay màu nâu; chất

màu nâu vàng bám dính trên nền nhà được thu giữ trong ống xi lanh.

Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS-P2 ngày 16/3/2022, Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Tuấn D về tội Giết người theo điểm c, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn D thừa nhận hai lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bị hại; lần thứ hai bị cáo quan hệ tình dục với chị T nhưng chị T không đồng ý và đã có hành động chống cự, do bức tức nên đã dùng gối bịt vào mặt, mũi miệng chị T dẫn đến chị T chết; Do bị cáo có bệnh, không làm chủ được hành vi, nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Trần D1 trình bày gia đình ông đã đứng ra lo toàn bộ chi phí mai táng cho chị T và tự nguyện bồi thường cho gia đình chị T 90 triệu đồng, ông không yêu cầu bị cáo D hoàn trả số tiền trên. Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo do bị bệnh tâm thần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo ông Trần Trung K trình bày: Nhất trí tội danh, điều khoản Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, khi phạm tội bị cáo có bệnh về tâm thần làm hạn chế khả năng điều khiển hành vi, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, gia đình bị cáo đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho đại diện bị hại; đại diện bị hại xin giảm hình phạt theo điểm b, s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Nguyễn Hữu Ch và người đại diện theo ủy quyền của đại diện bị hại là ông Cao Bá Tr trình bày: Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại 90 triệu đồng; Đại diện gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và đề nghị HĐXX xem xét xử bị cáo mức án thấp nhất.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố: Bị cáo Trần Tuấn D phạm tội Giết người; Xử phạt bị cáo Trần Tuấn D từ 19 năm đến 20 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/9/2021. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết; Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 01 ga đệm màu đỏ, nền có màu sáng; 01 chăn hè màu đỏ; 01 gối dạng gối trẻ em hình chuột mickey màu xanh; 01 gối ngủ một mặt vành đỏ hoa văn ở giữa màu vàng nhạt; 01 vỏ chăn nhiều màu, sọc kẻ, carô, hoa văn hình bông hoa; 01 váy màu nâu kẻ carô màu vàng; 01 áo dạng

áo váy cổ tròn ngắn tay màu nâu; chất màu nâu vàng bám dính trên nền nhà được thu giữ trong ống xi lanh; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Tòa án xem xét bị cáo có có bệnh tâm thần, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về tử thi, các kết luận giám định khác, kết quả thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ sáng 01/9/2021, tại phòng ngủ tầng 2 của vợ chồng D ở khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương, Trần Tuấn D đã thực hiện hành vi dùng hai đầu gối đè vào 2 bên vai của chị Nguyễn Thị T là vợ của D đang có thai 5 tuần, sau đó cầm chiếc gối chị T đang gối đầu, dùng 2 tay đè gối vào mặt, mũi, miệng của chị T giữ trong khoảng 05 phút. Hậu quả làm chị T chết do ngạt cơ học (nghet thở).

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo và bị hại có quan hệ là vợ chồng. Chỉ vì mâu thuẫn trong sinh hoạt vợ chồng, bị cáo đã thực hiện hành vi dùng hai đầu gối đè vào 2 bên vai của bị hại, khi đó bị hại đang có thai 5 tuần, sau đó cầm chiếc gối bị hại đang gối đầu, dùng 2 tay đè gối vào mặt, mũi, miệng của bị hại giữ trong khoảng 05 phút, làm bị hại chết do ngạt cơ học. Mặc dù biết rõ bị hại đang mang thai nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tước đoạt tính mạng của chị T. Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, hung hãn, coi thường tính mạng của người khác. Về năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 419 ngày 17/12/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương đối với D đã kết luận: Tại thời điểm phạm tội và tại thời điểm giám định Trần Tuấn D bị bệnh

chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên Trần Tuấn D hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, mặc dù bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng vẫn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Giết người thuộc trường hợp “Giết phụ nữ mà biết là có thai” và “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm c, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; khi phạm tội bị cáo bị bệnh làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; gia đình bị cáo đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho đại diện bị hại; đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính côn đồ, hung hãn, coi thường pháp luật, tước đi tính mạng của bị hại (là vợ của bị cáo), làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Mặc dù bị cáo biết rõ vợ là chị Nguyễn Thị T đang có thai nhưng vẫn thực hiện hành vi giết bị hại. Nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, khi phạm tội bị cáo có bệnh làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, tại phiên tòa đại diện bị hại xin giảm nhẹ và đề nghị xử bị cáo mức án thấp nhất nên xét thấy áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung với xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại xác định gia đình bị cáo đã lo mai táng cho chị T và đã bồi thường cho gia đình bị hại 90 triệu đồng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 ga đệm màu đỏ, nền có màu sáng; 01 chăn hè màu đỏ; 01 gối dạng gối trẻ em hình chuột mickey màu xanh; 01 gối ngủ một mặt vành đỏ hoa văn ở giữa màu vàng nhạt; 01 vỏ chăn nhiều màu, sọc kẻ, carô, hoa văn hình bông hoa; 01 váy màu nâu kẻ carô màu vàng; 01 áo dạng áo váy cổ tròn ngắn tay màu nâu; chất màu nâu vàng bám dính trên nền nhà

được thu giữ trong ống xi lanh là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội và vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án lệ phí Tòa án theo quy định tại Điều 136 BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm c, n khoản 1 Điều 123, điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn D phạm tội “Giết người”.

3. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Tuấn D 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02/9/2021.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 ga đệm màu đỏ, nền có màu sáng, tại 3 cạnh có dòng chữ SAKURA, kích thước 2,12 x 1,73m, viền rộng 0,34m; 01 chăn hè màu đỏ có kích thước 2,12 x 1,73m hình ô vuông; 01 gối dạng gối trẻ em hình chuột mickey màu xanh có kích thước 33x25cm; 01 gối ngủ một mặt vành đỏ hoa văn ở giữa màu vàng nhạt, mặt còn lại màu đỏ kích thước 70x50cm, ruột trong bông màu trắng; 01 vỏ chăn nhiều màu, sọc kẻ, carô, hoa văn hình bông hoa; 01 váy màu nâu kẻ carô màu vàng; 01 áo dạng áo váy cổ tròn ngắn tay màu nâu; chất màu nâu vàng bám dính trên nền nhà được thu giữ trong ống xi lanh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 28/3/2022).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Tuấn D phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu Tòa; Lưu HS vụ án.

Vũ Thị Yến